

THÊM TRẠNG NGỮ CHO CÂU

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Nắm được khái niệm trạng ngữ trong câu.
- Ôn lại các loại trạng ngữ đã học ở Tiểu học.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Trạng ngữ là thành phần phụ của câu, chuyên bổ sung các thông tin về nơi chốn, thời gian, nguyên nhân, mục đích, phương tiện, cách thức, điều kiện,... cho sự việc được nói đến trong câu. Trong một câu, có thể có hơn một trạng ngữ.

2. Thêm trạng ngữ cho câu có thể xem là một cách mở rộng câu.

3. Có thể phân loại trạng ngữ theo các nội dung mà chúng biểu thị. Các câu hỏi thường được dùng để xác định và phân loại trạng ngữ là : ở đâu, khi nào, vì sao, để làm gì, bằng gì, như thế nào, với điều kiện gì,...

4. Tùy theo từng trường hợp cụ thể, trạng ngữ có thể có những vị trí khác nhau trong câu.

Về nguyên tắc, trạng ngữ có thể có ba vị trí khác nhau trong câu : đứng đầu câu, đứng cuối câu, đứng chen giữa chủ ngữ với vị ngữ. Tuy nhiên, khi xếp đặt vị trí trạng ngữ, cần cân nhắc sao cho phù hợp với liên kết và mạch lạc của văn bản cũng như với tình huống giao tiếp cụ thể.

Ví dụ 1. So sánh hai cách viết :

– Hôm qua, Bi được mẹ cho đi chơi công viên Lê-nin. **Trong công viên**, Bi gặp bạn Hà con cô Thuý.

– Hôm qua, Bi được mẹ cho đi chơi công viên Lê-nin. Bi gặp bạn Hà con cô Thuý **trong công viên**.

Cách viết thứ nhất tốt hơn vì phù hợp với liên kết và mạch lạc của văn bản : đi chơi công viên – trong công viên. Câu thứ nhất kể chuyện Bi được đi chơi công viên, câu thứ hai phát triển mạch ý từ câu trước, cho biết trong công viên Bi gặp ai.

Ví dụ 2. So sánh hai cách trả lời câu hỏi.

a) – Em đến đây để làm gì ?

– (?) **Để trao thư này cho chị**, em đến đây.

b) – Em đến đây để làm gì ?

– Em đến đây **để trao thư này cho chị**.

Cách trả lời thứ hai phù hợp với tình huống giao tiếp hơn.

(Lưu ý : Kí hiệu (?) đặt trước câu nói biểu thị rằng câu nói ấy không thật sự phù hợp với tình huống sử dụng.)

5. Trong nhiều trường hợp, trạng ngữ không thể đứng ở cuối câu. Chẳng hạn : Trường hợp trạng ngữ có cấu tạo chỉ gồm một từ. Ví dụ :

Có thể nói :

– **Đêm**, Nguyên ngủ với bố.

– Nguyên **đêm** ngủ với bố.

Không thể nói : Nguyên ngủ với bố **đêm**.

Trường hợp trạng ngữ đặt ở cuối câu có thể khiến câu bị hiểu sai nghĩa.

Ví dụ :

– **Một vài lần**, tôi đề nghị nó đọc to từ này.

– Tôi **một vài lần** đề nghị nó đọc to từ này.

– Tôi đề nghị nó đọc to từ này **một vài lần**.

Trong câu thứ ba, cụm từ *một vài lần* sẽ được hiểu là phụ ngữ của động từ *đọc* chứ không phải là của động từ *đề nghị*.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Hoạt động 1. Tìm hiểu đặc điểm của trạng ngữ.

Cách làm : GV chép đoạn trích ở phần I lên bảng và yêu cầu HS lần lượt trả lời các câu hỏi 1, 2, 3.

Bước 1 : Xác định trạng ngữ trong mỗi câu.

Trạng ngữ của các câu trong đoạn trích là những từ ngữ in đậm sau đây :

Dưới bóng tre xanh, đã từ lâu đời, người dân cày Việt Nam dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang. Tre ăn ở với người, **đời đời, kiếp kiếp**. [...]

Tre với người như thế đã mấy nghìn năm. Một thế kỉ "văn minh", "khai hoá" của thực dân cũng không làm ra được một tác sất. Tre vẫn phải còn vất vả mãi với người. Cối xay tre nặng nề quay, từ nghìn đời nay, xay nắm thóc.

(Thép Mới)

Bước 2 : Tìm hiểu nội dung mà trạng ngữ bổ sung cho câu.

Các trạng ngữ trên đây bổ sung cho câu những thông tin tình huống, cụ thể là :

– *Dưới bóng tre xanh* → Bổ sung thông tin về địa điểm.

– [...] *đã từ lâu đời* → Bổ sung thông tin về thời gian.

- [...] *đòi đòi, kiếp kiếp* → Bổ sung thông tin về thời gian.

- [...] *từ nghìn đời nay* → Bổ sung thông tin về thời gian.

Bước 3: Tìm hiểu vị trí của trạng ngữ trong câu.

Về nguyên tắc, có thể đặt trạng ngữ ở những vị trí khác nhau trong câu (ở đầu câu, cuối câu hay giữa câu). Giữa trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ thường có một quãng nghỉ khi nói hoặc một dấu phẩy khi viết; trong trường hợp trạng ngữ được đặt ở cuối câu thì yêu cầu này là bắt buộc vì nếu không, nó sẽ được hiểu là phụ ngữ của một cụm động từ hay cụm tính từ trong câu.

Có thể chuyển trạng ngữ trong các câu trên đây sang những vị trí khác nhau như sau :

- *Dưới bóng tre xanh, đã từ lâu đời, người dân cây Việt Nam dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang.*

→ *Người dân cây Việt Nam, dưới bóng tre xanh, đã từ lâu đời, dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang.*

→ *Người dân cây Việt Nam dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang, dưới bóng tre xanh, đã từ lâu đời.*

- *Tre ăn ở với người, đòi đòi, kiếp kiếp.*

→ *Đòi đòi, kiếp kiếp, tre ăn ở với người.*

→ *Tre, đòi đòi, kiếp kiếp, ăn ở với người.*

- *Cối xay tre nặng nề quay, từ nghìn đời nay, xay nắm thóc.*

→ *Từ nghìn đời nay, cối xay tre nặng nề quay, xay nắm thóc.*

→ *Cối xay tre nặng nề quay, xay nắm thóc, từ nghìn đời nay.*

Hoạt động 2. Hệ thống hoá kiến thức.

GV yêu cầu 2 – 3 HS tóm tắt nội dung Ghi nhớ.

Hoạt động 3. Làm bài tập (trang 39 – 40, SGK).

Tùy theo lượng thời gian còn lại, GV hướng dẫn HS làm các bài tập trong SGK.

IV – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

Bài tập 1. Trong bốn câu đã cho, câu *b* là câu có cụm từ *mùa xuân* làm trạng ngữ.

Trong các câu còn lại, cụm từ *mùa xuân* lần lượt làm :

- Chủ ngữ và vị ngữ (câu a) ;
- Phụ ngữ trong cụm động từ (câu c) ;
- Câu đặc biệt (câu d).

Bài tập 2. Trong các đoạn trích sau đây, trạng ngữ là những từ ngữ được in đậm :

a) *Cơn gió mùa hạ lướt qua vừng sen trên hồ, nhuần thấm cái hương thơm của lá, như báo trước mùa về của một thức quả thanh nhã và tinh khiết. Các bạn có ngửi thấy, khi đi qua những cánh đồng xanh, mà hạt thóc nếp đầu tiên làm trĩu thân lúa còn tươi, ngửi thấy cái mùi thơm mát của bông lúa non không ? Trong cái vỏ xanh kia có một giọt sữa trắng thơm, phảng phất hương vị ngàn hoa cỏ. Dưới ánh nắng, giọt sữa dần dần đông lại, bông lúa ngày càng cong xuống, nặng vì cái chất quý trong sạch của Trời.*

(Thạch Lam)

b) *Chúng ta có thể khẳng định rằng : cấu tạo của tiếng Việt, với khả năng thích ứng với hoàn cảnh lịch sử như chúng ta vừa nói trên đây, là một chứng cứ khá rõ về sức sống của nó.*

(Đặng Thai Mai)

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO (xem trang 26)